THÔNG TIN SẢN PHẨM

# NovAcid®

## 19-19-19+CaO+TE




Tưới nhỏ giọt là biện pháp hiệu quả giúp nâng cao hiệu suất sử dụng nước và dinh dưỡng. So với tưới rãnh và tưới phun, tưới nhỏ giọt còn giúp giảm đáng kể phát thải khí nitơ oxit ($N_2O$).

Dòng ICL NovAcid có các công thức phù hợp cho rau, cây ăn quả và cây trồng đồng ruộng sử dụng tưới nhỏ giọt. Đây là dòng phân bón NPK chuyên dụng, tan hoàn toàn trong nước và có tính axit. Tính axit giúp trung hòa và hòa tan bicarbonat trong hệ thống tưới; nguồn dinh dưỡng cân đối giúp nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

## Ưu điểm sản phẩm

- Kéo dài tuổi thọ hệ thống tưới.
- Phân phối nước tưới và phân bón đồng đều, hiệu quả.
- Tăng lượng dinh dưỡng sẵn có trong dung dịch đất, giúp cây hấp thu tốt hơn.
- Công thức cân đối đáp ứng nhu cầu đạm, lân và kali của cây trồng.
- Bổ sung canxi và các nguyên tố vi lượng.
- Giải quyết các vấn đề về chất lượng nước chỉ với một sản phẩm.
- Góp phần phát triển bền vững về môi trường.

## Ứng dụng chuyên biệt

NovAcid 19-19-19+3CaO+TE được thiết kế đặc biệt cho nguồn nước tưới thiếu canxi. Sản phẩm phù hợp cho giai đoạn cây mới trồng, giúp thúc đẩy phát triển bộ rễ, và cho các giai đoạn sinh trưởng nói chung của cây trồng.

## Liều lượng sử dụng

| Nhóm cây trồng | Liều lượng (kg/ha/tuần) |
|---|---|
| Cây quả mọng | 20-38 |
| Rau ăn quả, củ | 40-80 |
| Rau ăn lá | 35-60 |
| Vườn cây ăn quả | 20-50 |

Liên hệ ICL hoặc chuyên gia tư vấn để nhận hướng dẫn và khuyến nghị cụ thể.

### ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

Độ tan tối đa:
37 kg/100 L nước (25°C)
EC: 0,76 mS/cm (ở 1 g/L)
pH: 2,87 (ở 10 g/L)
Mức giảm $HCO_3$: 12,7 mg/L
Đóng gói: bao 25 kg (PE)
Mã sản phẩm: 6119191937

### THÀNH PHẦN BẢO ĐẢM

| | |
|---|---|
| Đạm tổng số (N) | 19% |
| Đạm nitrat ($NO_3$-N) | 1,5% |
| Đạm urê ($NH_2$-N) | 16,3% |
| Đạm amoni ($NH_4$-N) | 1,2% |
| Lân ($P_2O_5$) | 19% |
| Kali ($K_2O$) | 19% |
| Canxi oxit (CaO) | 3,0% |
| Clorua (Cl) | 8,7% |
| Đồng (Cu) tan trong nước* | 0,005% |
| Sắt (Fe) tan trong nước* | 0,04% |
| Mangan (Mn) tan trong nước* | 0,02% |
| Molypden (Mo) tan trong nước | 0,005% |
| Kẽm (Zn) tan trong nước* | 0,01% |
| Bo (B) | 0,036% |

* Được chelat hóa bằng EDTA

ICL

www.icl-growingsolutions.com

Lưu ý: Do điều kiện thực tế có thể khác nhau và việc sử dụng sản phẩm nằm ngoài sự kiểm soát của ICL, ICL không chịu trách nhiệm về các kết quả bất lợi. Tài liệu này thay thế mọi khuyến nghị đã ban hành trước đó. Trước khi áp dụng liều lượng, sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng mới, nên thử nghiệm trên quy mô nhỏ.